TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRI TÔN
TỈNH AN GIANG

Bản án số: 07 /2020/HNGĐ- ST
Ngày: 24-3-2020
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRI TÔN – TỈNH AN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đào Nữ Ngọc Lan

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hồ Văn Dũng

Ông Huỳnh Văn Minh

Thư ký phiên tòa: Bà Lê Kim Liệu

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang tham gia phiên toà: Bà Néang Ly - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 3 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tri Tôn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 367/2019/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 12 năm 2019 về tranh chấp ly hôn, nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2019/QĐXX-ST ngày 19 tháng 2 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 121/2020/QĐST-HNGĐ, ngày 09 tháng 3 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Trịnh Thị Lệ T, sinh năm 1981; nơi cư trú: Tổ 14, ấp S, xã L, huyện T, tỉnh An Giang (có mặt).

2. Bị đơn: Anh Trần Văn C, sinh năm 1982; nơi cư trú: Tổ 14, ấp S, xã L, huyện TH, tỉnh An Giang (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Trong đơn ly hôn ngày 16-12-2019 và lời khai tại Tòa án nguyên đơn chị Trịnh Thị Lệ T trình bày: Vào năm 2012 chị và anh Trần Văn C tự nguyên đi đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn năm 2016, quá trình chung sống chị và anh có với nhau 01 con chung tên Trần Văn T, sinh ngày 09-4-2014, anh chị hạnh phúc được một thời gian, sau đó phát sinh mâu Tẩn bắt từ năm 2013 đến nay nguyên nhân do anh C thường xuyên nhậu nhẹt, không quan tâm chăm sóc vợ con, khi nhậu về dùng dao đuổi chị, sự việc này đã diễn ra rất nhiều lần và anh C đã từng bị xử phạt hành chính về hành vi này, chị và anh đã ly thân từ tháng 10-2019 đến nay. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không thể tiếp tục chị yêu cầu xin ly hôn với anh Trần Văn C.

Về con chung: Có 01 con chung tên Trần Văn T, sinh ngày 09-4-2014, hiện đang sống cùng anh C. Khi ly hôn chị xin được nuôi dưỡng con chung không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn anh Trần Văn C trình bày: Anh thừa nhận tình trạng hôn nhân như chị T trình bày, anh và chị tự nguyện đi đến hôn nhân vào năm 2012 và có đăng ký kết hôn vào năm 2016, cuộc sống vợ chồng có mâu Tẩn nhưng không lớn, do anh đi làm ăn xa chị T ở nhà nhậu nhẹt nên anh nóng giận mới đánh đập chị, hiện nay giữa anh và chị T đã ly thân từ tháng 10/2019 đến nay. Nay chị Trịnh Thị Lệ T xin ly hôn anh không đồng ý ly hôn vì anh còn thương chị T, anh xin được đoàn tụ.

Về con chung: Có 01 con chung tên Trần Văn T, sinh ngày 09/4/2014, hiện đang sống cùng anh C. Khi ly hôn anh xin được nuôi dưỡng con chung, không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa:

Chị Trịnh Thị Lệ T vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn với anh Trần Văn C; về con chung chị đồng ý giao con chung tên Trần Văn T cho anh C nuôi dưỡng, không cấp dưỡng nuôi con chung; tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh Trần Văn C đồng ý ly hôn với chị T; về con chung: Anh xin được nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung; tài sản chung, nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật về tố tụng từ khi thụ lý đến khi đưa vụ án ra xét xử theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

- Về việc chấp hành pháp luật: Nguyên đơn và bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

- Về ý kiến giải quyết vụ án: Năm 2012, chị T và anh C tự nguyện tổ chức đám cưới và sống chung với nhau, đến 27/1/2016 đăng ký tại UBND xã Lê Trì nên đây được xem là quan hệ hôn nhân có giá trị pháp lý quy định tại Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình 2014, do đó làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Trong khi chung sống, anh chị hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu Tẩn, theo chị T nguyên nhân do bất đồng quan điểm, anh C không chăm lo cho gia đình, thường xuyên rượu chè, nhiều lần đánh đạp chị, chị đã trình báo với chính quyền địa phương và Công an xã Lê Trì đã có quyết định xử phạt hành chính đối với anh C về hành vi bạo lực gia đình nhưng anh vẫn không thay đổi. Lời trình bày của chị phù hợp với kết quả xác

minh của Tòa án nhân dân, chỉ vì ghen tuông mà anh C đã nhiều lần có hành vi bạo lực trong gia đình, bản thân anh C cũng thừa nhận đã nhiều lần đánh đập vợ. Từ đó nhận thấy quan hệ hôn nhân của anh chị có mâu thuẫn trầm trọng và thật sự rạn nứt, tại phiên tòa hôm nay anh C cũng đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị T nên cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn.

Về con chung: Tại phiên tòa hôm nay, chị T không tiếp tục yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung mà đồng ý giao cho anh C nuôi dưỡng, bản thân anh C cũng có việc làm và T nhập ổn định, đủ để đảm bảo cuộc sống cho con chung, do đó nên chấp nhận sự tự nguyện này của đương sự, chị T không phải cấp dưỡng nuôi con do anh C không yêu cầu.

Tài sản chung, nợ chung: không có.

Từ những phân tích trên, đề nghị Tòa án xem xét quyết định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phân tích, đánh giá về vụ án như sau:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Anh Trần Văn C cư trú tại ấp Sóc Tức, xã Lê Trì, huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang, quan hệ tranh chấp là quan hệ hôn nhân và gia đình là loại tranh chấp được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự và theo quy định khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án trên Tộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tri Tôn.

[2] Về nội dung tranh chấp: Quan hệ hôn nhân giữa chị Trịnh Thị Lệ T và anh Trần Văn C được xác lập trên cơ sở tự nguyện sống chung với nhau vào năm 2012, có tổ chức lễ cưới có đăng ký kết hôn vào năm 2016 theo quy định Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình.

Quá trình chung sống vợ chồng, chị Trịnh Thị Lệ T và anh Trần Văn C có với nhau 01 con chung tên Trần Văn T, sinh ngày 09-4-2014, hiện đang sống cùng anh C, chị T cho rằng do anh C thường xuyên nhậu nhẹt, không quan tâm chăm sóc gia đình, nhiều lần có hành vi đánh đập chị và đã bị Công an xã xử phạt hành chính về hành vi này. Nay chị không thể tiếp tục cuộc sống vợ chồng, chị xin ly hôn với anh C. Tại phiên tòa anh anh C thừa nhận tình trạng hôn nhân như chị T trình bày và anh đồng ý ly hôn với chị T.

Theo biên bản xác minh ngày 10-02-2020 tại ban ấp Sóc Tức, xã Lê Trì cho biết cuộc sống hôn nhân giữa chị Trịnh Thị Lệ T và anh Trần Văn C có xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân chính là do anh C thường xuyên nhậu nhẹt, có hành vi đánh đập chị T, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Và theo biên bản xác minh ngày 10-02-2020 tại Công an xã Lê Trì xác định anh Trần Văn C nhiều lần có hành vi đánh đập chị Trịnh Thị Lệ T đã bị xử phạt hành chính vào tháng 9-2019.

Hội đồng xét xử nhận thấy qua biên bản xác minh tại địa phương và lời khai tại phiên tòa thì mâu Tẩn xảy ra giữa chị Trịnh Thị Lệ T và anh Trần Văn C đã xảy ra được một thời gian, nguyên nhân chính do anh C thường xuyên nhậu nhẹt, có hành vi bạo lực gia đình, không quan tâm chăm sóc gia đình, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, anh và chị cũng đã ly thân từ tháng 9-2019 đến nay. Hôn nhân là nhằm giúp vợ chồng xây dựng gia đình no ấm, hạnh phúc, tuy nhiên trong cuộc sống hôn nhân vợ chồng không có tiếng nói chung, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cải vả, bên cạnh đó trong thời gian ly thân anh chị không gặp gỡ nhau nhằm hàn gắn lại tình cảm vợ chồng. Từ đó Hội đồng xét xử nhận thấy tình trạng hôn nhân giữa chị T và anh C rơi vào tình trạng trầm trọng, tình cảm vợ chồng ngày càng rạn nứt, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên Hội đồng xét xử quyết định chấp nhận yêu cầu của chị Trịnh Thị Lệ T việc yêu cầu ly hôn với anh Trần Văn C là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: 01 con chung tên Trần Văn T, sinh ngày 09-4-2014, hiện đang sống chung cùng anh C. Tại phiên tòa anh C xin được tiếp tục nuôi dưỡng con chung, chị T đồng ý giao con chung cho anh C tiếp tục nuôi dưỡng, không cấp dưỡng nuôi con chung. Xét thấy cháu Trần Văn T, sinh ngày 09-4-2014 đến thời điểm xét xử bé Trắng hơn 5 tuổi, từ khi chị T và anh C ly thân đến nay bé Trắng do anh C nuôi dưỡng, anh C cũng có T nhập ổn định, đảm bảo điều kiện tốt chăm sóc nuôi dưỡng bé Trắng. Do vậy Hội đồng xét xử quyết định ghi nhận sự tự nguyện của chị T về giao con chung tên Trần Văn T, sinh ngày 09-4-2014 cho anh C tiếp tục nuôi dạy là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Do anh Trần Văn C không yêu cầu chị Trịnh Thị Lệ T cấp dưỡng nuôi con chung, do vậy Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị T và anh C không yêu cầu, không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Chị Trịnh Thị Lệ T là nguyên đơn trong vụ án hôn nhân và gia đình, chị T phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 9, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39,khoản 4 Điều 147, Điều 266, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức T miễn, giảm, T, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu của chị Trịnh Thị Lệ T.

Về quan hệ hôn nhân: Chị Trịnh Thị Lệ T được ly hôn với anh Trần Văn C.

Giấy chứng nhận kết hôn số 01, ngày 27 tháng 01 năm 2016 của Ủy ban nhân dân xã Lê Trì, huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang không còn giá trị pháp lý.

Về con chung:

Giao cháu Trần Văn T, sinh ngày 09-4-2014 anh Trần Văn C được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Chị Trịnh Thị Lệ T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con.

Trên cơ sở lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, cơ quan, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Toà án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét giải quyết.

Về án phí: Chị Trịnh Thị Lệ T phải nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí mà chị T đã nộp theo biên lai T số 0009593 ngày 16 tháng 12 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tri Tôn

Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa Tận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện Tri Tôn;
- THADS huyện Tri Tôn;
- Uỷ ban nhân dân xã Lê Trì huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Đào Nữ Ngọc Lan